

BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

Tuần 39 (02/10/2023)

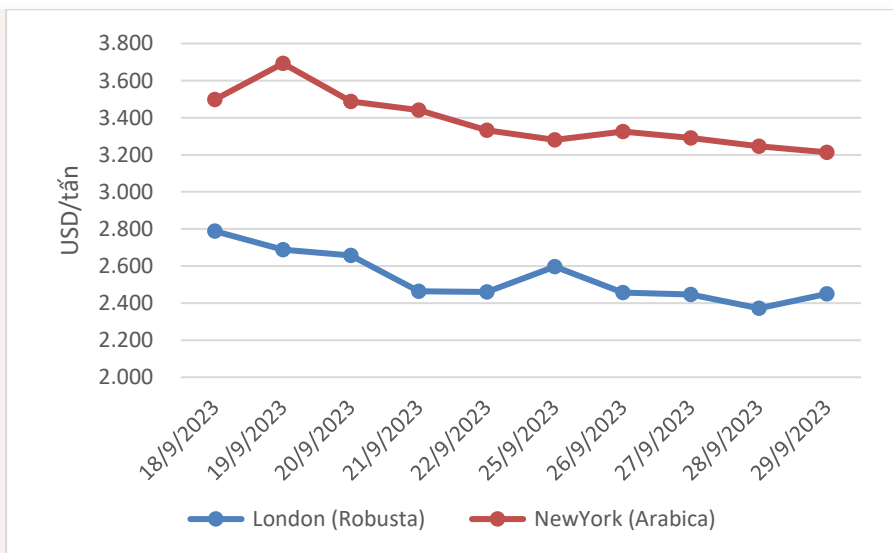


www.thitruongnongsan.gov.vn **AGRO INFO**

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 11/2023 đạt mức bình quân 2.464 USD/tấn, giảm 5,65% so với tuần trước.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2023 đạt mức bình quân 3.271 USD/tấn, giảm 6,28% so với tuần trước.
- ❖ Hợp tác xã Cerrado Coffee Growers (Expocacer) đã vượt qua mốc một triệu bao cà phê được nhận vào kho của mình vào tháng 9 năm 2023
- ❖ Theo Hiệp hội các nhà xuất khẩu cà phê (Cecafé) ở Brazil, lượng xuất khẩu cà phê hạt của nước này trong tháng 8/2023 đạt 3,35 triệu bao.
- ❖ 7 tháng đầu năm 2023, Nhật Bản nhập khẩu cà phê từ thế giới đạt xấp xỉ 207.400 tấn, trị giá 873 triệu USD.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

Tuần 38, thị trường London có 3 phiên giảm giá và 2 phiên tăng giá. Giá cà phê Robusta-kỳ hạn tháng 11/2023 trung bình đạt 2.464 USD/tấn, giảm 5,65% so với tuần trước, và tăng 12,4% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.596 USD/tấn, giá thấp nhất là 2.372 USD/tấn.[1]

Thị trường New York, trong tuần có 1 phiên tăng giá và 4 phiên giảm. Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2023 bình quân đạt 3.271 USD/tấn, giảm 6,28% so với mức giá tuần trước, và giảm 34% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 3.326 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 3.213 USD/tấn. [1]

Vương quốc Anh

Tổ chức Fairtrade đã phát động một chiến dịch mới cho Ngày Quốc tế Cà phê vào ngày 1/10/2023. Chiến dịch này nhằm nâng cao nhận thức về tác động của mức giá thấp và biến đổi khí hậu đối với tương lai nguồn cung cà phê ở Vương quốc Anh. Theo đó, Fairtrade đã tăng giá cà phê tối thiểu lên 1,80 USD/pound, được coi là “mạng lưới an toàn” cho nông dân. Nông dân cũng nhận được 0,20 USD mỗi *pound* Phí bảo hiểm xã hội để đầu tư vào các dự án cải thiện năng suất, thích ứng với khí hậu, chất lượng, cơ sở hạ tầng và các dịch vụ cộng đồng cơ bản. [2]

Brazil

Hợp tác xã Cerrado Coffee Growers (Expocacer) tại Brazil đã thu hoạch vượt qua mốc một triệu bao cà phê vào tháng 9 năm 2023, trước khi kết thúc vụ thu hoạch. Expocacer là một ví dụ điển hình về cách mà các hợp tác xã có thể đóng góp cho sự phát triển bền vững của ngành cà phê. Các hợp tác xã có thể giúp các nhà sản xuất nhỏ tiếp cận với các thị trường toàn cầu và nhận được giá cao hơn cho cà phê của họ. Điều này giúp họ đầu tư vào các hoạt động bền vững.[3]

Brazil

Theo Hiệp hội các nhà xuất khẩu cà phê (Cecafé) ở Brazil, lượng xuất khẩu cà phê hạt của nước này trong tháng 8/2023 đạt 3,35 triệu bao, tăng 33,2% so với tháng 8/2022. Trong đó, xuất khẩu cà phê Arabica đạt 3,35 triệu bao, tăng 11,2%. Xuất khẩu cà phê Robusta đạt 698.856 bao, tăng 442%. Lũy kế trong hai tháng đầu niên vụ 2023-2024 (từ tháng 7/2023 đến tháng 6/2024), xuất khẩu cà phê hạt của Brazil đạt 6,05 triệu bao, tăng 28,2% so với cùng kỳ niên vụ 2022-2023.[4]

Nhật Bản

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế, 7 tháng đầu năm 2023, Nhật Bản nhập khẩu cà phê từ thế giới đạt xấp xỉ 207.400 tấn, trị giá 873 triệu USD, giảm 19,1% về lượng và giảm 20,4% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, tính riêng tháng 7/2023, tổng khối lượng nhập khẩu cà phê của Nhật Bản đạt 34.800 tấn, trị giá 155,6 triệu USD, tăng 20,6% về lượng và tăng 9,7% về trị giá so với tháng 7/2022.[5]

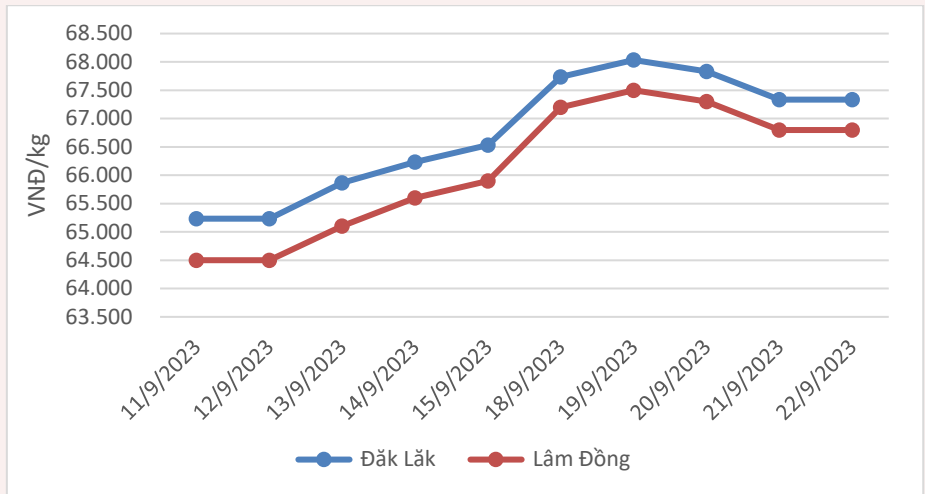
Tính chung 7 tháng đầu năm 2023, Nhật Bản giảm nhập khẩu tất cả các chủng loại cà phê. Trong đó, tốc độ nhập khẩu cà phê, trừ cà phê rang và loại bỏ caffein (HS 090111) giảm 19% về lượng và giảm 20,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 202.200 tấn, trị giá 799,38 triệu USD. Tỷ trọng cà phê, trừ cà phê rang và loại bỏ caffein trong tổng lượng nhập khẩu của Nhật Bản chiếm tới 97,5% trong 7 tháng đầu năm 2023. [5]

Sự sụt giảm nhập khẩu cà phê trong 7 tháng đầu năm 2023 của Nhật Bản diễn ra ở hầu hết các nhà cung lớn, gồm Việt Nam, Brazil, Colombia, Guatemala, Tanzani. [5]

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tăng trong tuần này. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 66.437 VNĐ/kg, và tại Lâm Đồng là 66.020 VNĐ/kg.
- ❖ Xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 9/2023 ước tính đạt 65 nghìn tấn, trị giá 205 triệu USD.
- ❖ Ước tính, tháng 9/2023, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam đạt mức 3.151 USD/tấn.
- ❖ Niên vụ 2023-2024, Sơn La có 20.708 ha cà phê.

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này đồng giảm so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê Robusta bình quân trong tuần đạt 66.437 VNĐ/kg, giảm 1,74% so với tuần trước so với tuần trước, nhưng tăng 40,67% so với cùng kỳ năm 2022. Tại Lâm Đồng, giá cà phê Robusta bình quân 66.020 VNĐ/kg, giảm 1,64% so với tuần trước, nhưng tăng 41,19% so với cùng kỳ năm 2022. [6]

Cục Xuất nhập khẩu – Bộ Công thương, xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 9/2023 ước tính đạt 65 nghìn tấn, trị giá 205 triệu USD, giảm 23,2% về lượng và giảm 20,8% về trị giá so với tháng 8/2023, so với tháng 9/2022 giảm 32,7% về lượng và giảm 12,8% về trị giá. Tính chung 9 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam ước tính đạt 1,266 triệu tấn, trị giá 3,16 tỷ USD, giảm 7,3% về lượng, nhưng tăng 1,9% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Về giá: Ước tính, tháng 9/2023, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam đạt mức 3.151 USD/tấn, tăng 3,2% so với tháng 8/2023 và tăng 29,6% so với tháng 9/2022. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2023, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam ước đạt mức 2.499 USD/tấn, tăng 9,9% so với cùng kỳ năm 2022. [7]

Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê Robusta trong tháng 8/2023 đạt xấp xỉ 67,9 nghìn tấn, trị giá 168,58 triệu USD, giảm 30,9% về lượng và giảm 14% về trị giá so với tháng 8/2022. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cà phê Robusta đạt xấp xỉ 1,07 triệu tấn, trị giá 2,29 tỷ USD, giảm 5,8% về lượng, nhưng tăng 2,4% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, lượng xuất khẩu cà phê Robusta sang nhiều thị trường giảm, gồm Đức, Tây Ban Nha, Bỉ, Anh, Philippines, Ngược lại, xuất khẩu cà phê Robusta sang nhiều thị trường khác như Ý, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Nga, v.v. đều ghi nhận có sự tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước. [7]

Theo Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), Việt Nam là nguồn cung cà phê lớn nhất cho Nhật Bản trong 7 tháng đầu năm 2023, lượng đạt trên 65 nghìn tấn, trị giá 152,5 triệu USD, giảm 8,2% về lượng và giảm 3,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Mặc dù vậy, thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Nhật Bản tăng từ 27,65% trong 7 tháng đầu năm 2022 lên 31,38% trong 7 tháng đầu năm 2023 [8]

Trong 7 tháng đầu năm 2023, Đức đã nhập khẩu 156,3 nghìn tấn cà phê từ Việt Nam, trị giá 332,55 triệu EUR (tương đương 351,18 triệu USD), tăng 10,1% về lượng và tăng 6,4% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Đức từ thế giới tăng từ 19,24% trong 7 tháng đầu năm 2022 lên 23,35% trong 7 tháng đầu năm 2023.[9]

Sơn La

Niên vụ 2023-2024, Sơn La có 20.708 ha cà phê, tập trung chủ yếu tại các huyện Mai Sơn, Thuận Châu và Thành phố, tăng 1.872ha, sản lượng ước đạt 32.493 tấn cà phê nhân, tăng 8,36% so với niên vụ 2022- 2023. Cà phê mang nhãn hiệu “*Cà phê Sơn La*” đã xuất khẩu đến 20 quốc gia và vùng lãnh thổ.[10]

Trên địa bàn tỉnh Sơn La có 7 cơ sở sơ chế cà phê nhân theo quy mô công nghiệp, gồm Công ty TNHH xuất nhập khẩu cà phê Minh Tiến; Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Cát Quế; Công ty cổ phần Phúc Sinh Sơn La; Doanh nghiệp tư nhân Thu Thủy; HTX Dịch vụ nông nghiệp Mường Chanh; Hợp tác xã Cà phê Bích Thao; HTX Ara-Tay Coffee, với công suất chế biến trung bình trên 1.000 tấn quả tươi/ngày. [10]

Đắk Lắk

Niên vụ cà phê 2022-2023, Đắk Lắk xuất khẩu hơn 394 nghìn tấn cà phê, tăng 49,7 nghìn tấn so với niên vụ trước, chiếm 23% tổng lượng xuất khẩu cà phê cả nước. Kim ngạch xuất khẩu đạt 819 triệu USD, tăng 227 triệu USD, chiếm 21% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê cả nước.[11]

Tính đến tháng 9/2023, cà phê Đắk Lắk đã xuất khẩu đến 64 quốc gia, vùng lãnh thổ. Nhật Bản là thị trường lớn nhất, với kim ngạch hơn 117,9 triệu USD. Tiếp đến là Italia với 72 triệu USD và 21 quốc gia, vùng lãnh thổ khác đạt kim ngạch trên 10 triệu USD.[11]

Nguồn tham khảo:

1. <https://www.investing.com/>
2. [Global Coffee Report](#)
3. [Global Coffee Report](#)
4. [Hiệp hội các nhà xuất khẩu cà phê \(Cecafé\)](#)
5. [Cục Xuất nhập khẩu – Bộ Công Thương](#)
6. [Cộng tác viên cà phê khu vực Tây Nguyên](#)
7. [Cục Xuất nhập khẩu – Bộ Công Thương](#)
8. [Cục Xuất nhập khẩu-Bộ Công Thương](#)
9. [Cục Xuất nhập khẩu- Bộ Công Thương](#)
10. [Báo điện tử Sơn La](#)
11. [Báo điện tử Đắk Nông](#)

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	66.100	65.800	66.100	66.100	66.000	66.020	1.300
Di Linh	66.100	65.800	66.100	66.100	66.000	66.020	1.300
Lâm Hà	66.100	65.800	66.100	66.100	66.000	66.020	1.300
Bảo Lộc	66.100	65.800	66.100	66.100	66.000	66.020	1.300
ĐẮK LẮK	66.533	66.233	66.533	66.533	66.533	66.473	1.173
Cư M'gar	66.600	66.300	66.600	66.600	66.600	66.540	1.200
Ea H'leo	66.500	66.200	66.500	66.500	66.500	66.440	1.160
Buôn Hồ	66.500	66.200	66.500	66.500	66.500	66.440	1.160
ĐẮK NÔNG	66.750	66.450	66.750	66.750	66.750	66.690	1.120
Gia Nghĩa	66.800	66.500	66.800	66.800	66.800	66.740	1.140
Đắk R'lấp	66.700	66.400	66.700	66.700	66.700	66.640	1.100
GIA LAI	66.333	66.033	66.333	66.333	66.400	66.287	1.353
Chư Prông	66.400	66.100	66.400	66.400	66.400	66.340	1.340
Pleiku	66.300	66.000	66.300	66.300	66.400	66.260	1.360
La Grai	66.300	66.000	66.300	66.300	66.400	66.260	1.360
KON TUM	66.400	66.100	66.400	66.400	66.400	66.300	1.200
Đắk Hà	66.400	66.100	66.400	66.400	66.400	66.300	1.200

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com

Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn